

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2022

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Cung cấp hóa chất sinh phẩm, vật tư tiêu hao xét nghiệm – Chương trình an toàn thực phẩm - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đang có kế hoạch về việc mua sắm hóa chất sinh phẩm, vật tư tiêu hao xét nghiệm phục vụ cho hoạt động của Viện;

Ngày 17/10/2022 Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành công văn số 3952/PAS-KHTH về việc mời tham gia báo giá;

Ngày 28/10/2022 Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành công văn số 4094/PAS-KHTH về việc mời tham gia báo giá;

Ngày 31/10/2022 Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành công văn số 4126/PAS-KHTH về việc mời tham gia báo giá;

Ngày 07/11/2022 Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành công văn số 4192/PAS-KHTH và 4193/PAS-KHTH về việc tiếp tục mời tham gia báo giá;

Ngày 10/11/2022 Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành công văn số 4235/PAS-KHTH về việc tiếp tục mời tham gia báo giá;

Đến ngày 14/11/2022 Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa nhận đủ báo giá để làm cơ sở xây dựng giá dự toán, Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh mời các đơn vị quan tâm tiếp tục tham gia chào giá cho các nội dung như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
1	Tube ly tâm 50ml	Cái	Cái	Chất liệu: polypropylene Chịu được nhiệt, lực cơ học và hóa chất Kích thước (đường kính x chiều cao): 30 x 115 (mm) Đã tiệt trùng sẵn, hấp tiệt trùng được (không nắp) Chịu được lực ly tâm RCF tối đa: đến 14,000 x g ở dạng rotor góc Không chứa DNase, RNase, human DNA Non-Pyrogenic, non-cytotoxic	130

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
2	Bao nylon cân mẫu	Kg	Kg	Bao nylon trong đựng mẫu, khối lượng đựng mẫu tối đa 1Kg	3
3	Găng tay cao su có bột	Hộp	Hộp/50 đôi	Cao su (latex), không bột, size S/M, độ dày tối thiểu 0,01 mm	9
4	Găng tay cao su không bột size M	Hộp	Hộp/50 đôi	Găng tay cao su y tế không bột phủ Polymer Latex Asap Size M (100 cái) Găng tay cao su y tế không bột phủ Polymer Latex Asap Powder Free Examination Gloves size M được sản xuất từ cao su tự nhiên, không bột và được phủ một lớp Polymer giúp găng dễ đeo	5
5	Kim tiêm 1ml	Hộp	Hộp/100Cây	Bơm tiêm sử dụng 1 lần 1ml/cc	4
6	Micropipet 1 kênh 10000 ul	Cái	Cái	Micropipet hấp tiết trùng 1 kênh 2000-10000 μ l. Trọng lượng nhẹ, thiết kế gọn gàng, dễ sử dụng. Có thể hấp hoàn toàn và chịu đựng khử trùng hơi nước ở 121°C, 1 atm trong 20 phút. Sử dụng trong phòng thí nghiệm hóa học, sinh học, y học... dùng để lấy đi một lượng mẫu lỏng mà có thể đo được, thường dùng như là một dụng cụ phân phối chất lỏng	1
7	Đầu côn xanh 1000 ul	Gói	Gói/1000 cái	Tên sản phẩm: Đầu côn xanh 1000ul, có khóa Chất liệu: Nhựa PP Cân nặng: 0,61g Kích thước: 8x69mm Màu sắc: Xanh Mục đích: Chuyển mẫu chất lỏng Thời gian sử dụng: 5 năm Lưu trữ: 4-30°C Chứng chỉ: CE, ISO 13485, FSC	9
8	Đầu côn 200 ul	Gói	Gói/1000 cái	Đầu côn 200ul. Chất liệu: Nhựa polypropylene. Thiết kế kiểu vát để giảm bớt sự đọng mẫu, các loại có dung tích lớn thuận lợi để hút dung dịch từ các thùng sâu và hẹp. Có sẵn trong hộp vô trùng và gói rời (không vô trùng). Sử dụng phù hợp với các loại pipet thủ công và pipet điện	1
9	Vial trắng có nắp 2mL	Hộp	Hộp/100 cái	Chai vial trắng 2 ml, cổ nhẵn, nắp trắng có lỗ đệm PTFE Rubber Liner, có chỗ ghi chú 12x32mm và chia vạch/ Chất liệu: thủy tinh borosilicate/ Kèm nắp có đệm	4
10	Nắp vial	Hộp	Hộp/100 cái	Nắp cho vial sắc ký 1.5ml Đệm PTFE/SEPTA silicone Thành nắp vận cao 9mm bằng chất liệu PE	5

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
11	Phin lọc 0,45 μ m, f17 mm	Gói	Gói/100 cái	Bảng nhựa PTFE 0,45 μ m, f17 mm tiết trùng	5
12	Phin lọc 0,22 μ m, f17 mm	Gói	Gói/100 cái	Bảng nhựa PTFE 0,22 μ m, f17 mm tiết trùng	5
13	Phin lọc PTFE 0,22 μ m, f13 mm	Gói	Gói/100 cái	Bảng nhựa PTFE 0,22 μ m, f13 mm tiết trùng	1
14	Phin lọc PTFE 0,45 μ m, f13 mm	Gói	Gói/100 cái	Bảng nhựa PTFE 0,45 μ m, f13 mm tiết trùng	1
15	Giấy lọc định tính, đường kính 11 cm	Hộp	Hộp/100 cái	Giấy lọc định tính đường kính 11cm, hãng Newstar/ Phân tích hóa học định tính - Đường kính: 9cm - Tốc độ lọc: Nhanh, trung, chậm	6
16	Giấy lọc định tính, đường kính 09 cm	Hộp	Hộp/100 cái	Giấy lọc định tính đường kính 9cm, hãng Newstar/ Phân tích hóa học định tính - Đường kính: 9cm - Tốc độ lọc: Nhanh, trung, chậm	6
17	Giấy lọc PTFE ưa nước 047mm, 0.45 μ m	Hộp	Hộp/100 cái	Màng lọc PTFE Lỗ lọc 0.45 μ m, Ø 47mm	1
18	Giấy thử PH	Cuộn	Cuộn	Giấy đo PH 1-14 Genlab. Dạng cuộn 5 mét. Dùng đo pH của dung dịch (pH 1-14).	1
19	Dung dịch pH chuẩn 10	Chai	Chai/1000ml	Trạng thái: dạng lỏng (boric acid/potassium chloride/sodium hydroxide), traceable từ SRM đến NIST và PTB pH 10.00 (20°C) Certipur® Nhiệt độ sôi: 110 °C (1013 hPa) tỉ trọng: 1.00 g/cm ³ (20 °C) nhiệt độ nóng chảy: -6 °C pH: 10.0 (H ₂ O, 20 °C) bảo quản: +15°C đến +25°C.	1
20	Dung dịch pH chuẩn 4	Chai	Chai/1000ml	trạng thái: dạng lỏng (citric acid/sodium hydroxide/hydrogen chloride), traceable to SRM from NIST and PTB pH 4.00 (20°C) Certipur® tỉ trọng: 1.01 g/cm ³ (20 °C) pH: 4.0 (H ₂ O, 25 °C) bảo quản: +15°C đến +25°C.	1
21	Dung dịch pH chuẩn 7	Chai	Chai/1000ml	Trạng thái: dạng lỏng di-sodium hydrogen phosphate/potassium dihydrogen phosphate), traceable to SRM from NIST and PTB pH 7.00 (20°C) Certipur® Nhiệt độ sôi: 109 °C (1013 hPa) tỉ trọng: 1.01 g/cm ³ (20 °C) nhiệt độ nóng chảy: -5 °C pH: 7.0 (H ₂ O, 20 °C) bảo quản: +15°C đến +25°C	1
22	Pipet thủy tinh 10mL	Cây	Cây	Pipet thẳng thủy tinh chia vạch 10ml, loại A. Chất liệu: Thủy tinh soda-lime. Thang chia vạch rõ ràng, dễ đọc, độ chính xác cao. Dùng khi lấy mẫu, đo chính xác đến vạch cuối cùng.	10

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
23	Pipet thủy tinh 10mL (Bầu)	Cây	Cây	Pipet bầu thủy tinh 10ml, loại AS. Chất liệu: Thủy tinh soda-lime. Độ chính xác cao. Dùng khi lấy mẫu, đo chính xác đến vạch cuối cùng	10
24	Pipet thủy tinh 5mL	Cây	Cây	Pipet thẳng thủy tinh chia vạch 5ml, loại A, Chất liệu: Thủy tinh soda-lime. Thang chia vạch rõ ràng, dễ đọc, độ chính xác cao. Dùng khi lấy mẫu, đo chính xác đến vạch cuối cùng.	10
25	Pipet thủy tinh 5mL (Bầu)	Cây	Cây	Pipet bầu 5ml thủy tinh, loại AS. Chất liệu làm bằng: Thủy tinh soda-lime. Có độ chính xác cao. Dùng khi lấy mẫu, đo chính xác đến vạch cuối cùng	10
26	Giá đỡ ống nghiệm	Cái	Cái	Giá đỡ ống nghiệm Inox/ Chất liệu: Inox nên rất dễ chùi rửa, vệ sinh. – Có độ bền cao khi tiếp xúc hóa chất, môi trường oxy hóa – Hình dạng: Dạng lưới và dạng tấm – Số lỗ: Giá 12 ô Giá 16 ô Giá 30 ô Giá 32 ô – Kích thước: Giá đỡ ống nghiệm 18*180 60 lỗ Giá đỡ ống nghiệm 18*180 48 lỗ Giá đỡ ống nghiệm phi 30mm Giá đỡ ống nghiệm phi 100mm Giá đỡ ống nghiệm phi 90mm	10
27	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 15 mm, dài 10 cm	Cái	Cái	Thủy tinh dùng để sản xuất ống nghiệm là loại Borosilicate 3.3 theo tiêu chuẩn ISO 3585:1998. Loại chất liệu này có các đặc tính và ưu điểm như khả năng chịu thủy phân loại 1 (theo DIN ISO 719), khả năng chống chịu acid loại 1 (DIN 12116), khả năng chống chịu kiềm loại 2 (DIN ISO 695). Ngoài ra, các ống nghiệm còn có khả năng chịu nhiệt độ cao và khả năng chịu sốc nhiệt lên đến 500oC	300
28	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 15 mm, dài 12 cm	Cái	Cái	Thủy tinh dùng để sản xuất ống nghiệm là loại Borosilicate 3.3 theo tiêu chuẩn ISO 3585:1998. Loại chất liệu này có các đặc tính và ưu điểm như khả năng chịu thủy phân loại 1 (theo DIN ISO 719), khả năng chống chịu acid loại 1 (DIN 12116), khả năng chống chịu kiềm loại 2 (DIN ISO 695). Ngoài ra, các ống nghiệm còn có khả năng chịu nhiệt độ cao và khả năng chịu sốc nhiệt lên đến 500oC	100
29	Ống nghiệm thủy tinh chịu nhiệt đường kính 12mmx15cm	Cái	Cái	Thủy tinh dùng để sản xuất ống nghiệm là loại Borosilicate 3.3 theo tiêu chuẩn ISO 3585:1998. Loại chất liệu này có các đặc tính và ưu điểm như khả năng chịu thủy phân loại 1 (theo DIN ISO 719), khả năng chống chịu acid loại 1 (DIN 12116), khả năng chống chịu kiềm loại 2 (DIN ISO	100

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				695). Ngoài ra, các ống nghiệm còn có khả năng chịu nhiệt độ cao và khả năng chịu sốc nhiệt lên đến 500oC	
30	Ống nghiệm chịu nhiệt -đường kính 12 mm, dài 10 cm	Cái	Cái	Thủy tinh dùng để sản xuất ống nghiệm là loại Borosilicate 3.3 theo tiêu chuẩn ISO 3585:1998. Loại chất liệu này có các đặc tính và ưu điểm như khả năng chịu thủy phân loại 1 (theo DIN ISO 719), khả năng chống chịu acid loại 1 (DIN 12116), khả năng chống chịu kiềm loại 2 (DIN ISO 695). Ngoài ra, các ống nghiệm còn có khả năng chịu nhiệt độ cao và khả năng chịu sốc nhiệt lên đến 500oC	100
31	Ống đong thủy tinh 1lit	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 1000ml, class A, vạch chia 10ml, 65x460mm(dxh). Chân đế hình lục giác giúp ống đong tránh bị đổ. Chân đế có cấu tạo 3 mẫu, giúp vững chắc. Độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo. Dùng để pha loãng dung dịch, trộn các thành phần khác nhau theo tỷ lệ xác định.	5
32	Ống đong thủy tinh 500 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 500ml, lớp A. Thường được sử dụng để đong đo lường thể tích khác nhau và trộn lẫn các chất lỏng với độ chính xác cao theo tiêu chuẩn của DIN và ISO vạch chia rõ ràng , thủy tinh trong suốt đồng đều giúp bạn quan sát một cách dễ dàng	5
33	Ống đong thủy tinh 250 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 250ml, lớp A. Thường được sử dụng để đong đo lường thể tích khác nhau và trộn lẫn các chất lỏng với độ chính xác cao theo tiêu chuẩn của DIN và ISO vạch chia rõ ràng , thủy tinh trong suốt đồng đều giúp bạn quan sát một cách dễ dàng	10
34	Ống đong thủy tinh 100 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 100ml, lớp A. Được sử dụng để đong đo lường thể tích khác nhau và trộn lẫn các chất lỏng với độ chính xác cao nhất theo tiêu chuẩn của DIN và ISO vạch được chia rõ ràng, thủy tinh trong suốt đồng đều giúp bạn quan sát một cách dễ dàng. - Dung tích Ống đong: 100ml - Giới hạn chính xác: 0.5mm - Độ chia: 1mm - Chiều cao: 256mm - Ống đong thủy tinh là dụng cụ thí nghiệm hóa học chất lượng cao, trong suốt, vạch chia màu xanh và độ chính xác cao - Đế của ống đong thủy tinh Duran có hình lục giác dễ dàng đứng vững.	5
35	Ống đong thủy tinh 50 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 50ml, Class A. Ống đong là dụng cụ sử dụng phổ biến trong phòng thí nghiệm, dùng để pha loãng dung	10

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				dịch, trộn các thành phần khác nhau theo tỷ lệ xác định. Ống đong có thiết kế với cấu tạo 3 mẫu, độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo, chân đế hình lục giác giúp ống đong tránh bị đổ và giúp ống đong vững chắc	
36	Ống đong thủy tinh 25 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 25ml, class A. Chân đế hình lục giác giúp ống đong tránh bị đổ. Chân đế có cấu tạo 3 mẫu, giúp vững chắc. Độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo. Dùng để pha loãng dung dịch, trộn các thành phần khác nhau theo tỷ lệ xác định.	5
37	Ống đong thủy tinh 100 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 100ml, lớp A. Được sử dụng để đong đo lường thể tích khác nhau và trộn lẫn các chất lỏng với độ chính xác cao nhất theo tiêu chuẩn của DIN và ISO vạch được chia rõ ràng, thủy tinh trong suốt đồng đều giúp bạn quan sát một cách dễ dàng. - Dung tích Ống đong: 100ml - Giới hạn chính xác: 0.5mm - Độ chia: 1mm - Chiều cao: 256mm - Ống đong thủy tinh là dụng cụ thí nghiệm hóa học chất lượng cao, trong suốt, vạch chia màu xanh và độ chính xác cao - Đế của ống đong thủy tinh có hình lục giác dễ dàng đứng vững.	5
38	Ống đong thủy tinh 1lit	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 1000ml, class A, vạch chia 10ml, 65x460mm(dxh). Chân đế hình lục giác giúp ống đong tránh bị đổ. Chân đế có cấu tạo 3 mẫu, giúp vững chắc. Độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo. Dùng để pha loãng dung dịch, trộn các thành phần khác nhau theo tỷ lệ xác định.	5
39	Ống đong thủy tinh 25 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 25ml, class A. Chân đế hình lục giác giúp ống đong tránh bị đổ. Chân đế có cấu tạo 3 mẫu, giúp vững chắc. Độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo. Dùng để pha loãng dung dịch, trộn các thành phần khác nhau theo tỷ lệ xác định.	5
40	Ống đong thủy tinh 250 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 250ml, lớp A. Thường được sử dụng để đong đo lường thể tích khác nhau và trộn lẫn các chất lỏng với độ chính xác cao theo tiêu chuẩn của DIN và ISO vạch chia rõ ràng, thủy tinh trong suốt đồng đều giúp bạn quan sát một cách dễ dàng	5
41	Ống đong thủy tinh 50 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 50ml, Class A. Ống đong là dụng cụ sử dụng phổ biến trong phòng thí nghiệm, dùng để pha loãng dung dịch, trộn các thành phần khác nhau theo tỷ lệ xác định. Ống đong có thiết kế với cấu	5

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				tạo 3 mẫu, độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo, chân đế hình lục giác giúp ống đồng tránh bị đổ và giúp ống đồng vững chắc	
42	Ống đồng thủy tinh 500 ml	Cái	Cái	Ống đồng thủy tinh 500ml, lớp A. Thường được sử dụng để đo lường thể tích khác nhau và trộn lẫn các chất lỏng với độ chính xác cao theo tiêu chuẩn của DIN và ISO vạch chia rõ ràng, thủy tinh trong suốt đồng đều giúp bạn quan sát một cách dễ dàng	5
43	Bình tam giác chịu nhiệt 250ml	Cái	Cái	Bình tam giác cổ rộng - 250ml Dùng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao - Chất liệu: Thủy tinh/ Dung tích: 250ml - Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao	5
44	Bình tam giác chịu nhiệt 125ml	Cái	Cái	Bình tam giác cổ rộng - 125ml Dùng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao - Chất liệu: Thủy tinh/ Dung tích: 125ml - Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao	10
45	Bình tam giác chịu nhiệt 500 ml	Cái	Cái	Bình tam giác cổ rộng - 500ml Dùng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao - Chất liệu: Thủy tinh/ Dung tích: 500ml - Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao	5
46	Bình định mức 100mL	Cái	Cái	Bình định mức 100ml 0.1A, 12/21 nút nhựa, vạch xanh Chất liệu: Thủy tinh, nút nhựa PE mới, vạch xanh class A - Khả năng chịu nhiệt của thủy tinh: 250°C Khả năng chịu nhiệt của nắp nhựa: -40°C đến +80°C	5
47	Bình định mức 1L	Cái	Cái	Bình định mức 1000ml A 24/29 vạch xanh, nút nhựa Chất liệu: Thủy tinh, nút nhựa PE mới, vạch xanh class A - Khả năng chịu nhiệt của thủy tinh: 250°C Khả năng chịu nhiệt của nắp nhựa: -40°C đến +80°C	10
48	Bình định mức 200mL	Cái	Cái	Bình định mức 200ml vạch xanh, nút nhựa Chất liệu: Thủy tinh, nút nhựa PE mới, vạch xanh class A - Khả năng chịu nhiệt của thủy tinh: 250°C Khả năng chịu nhiệt của nắp nhựa: -40°C đến +80°C	5
49	Bình định mức 500mL	Cái	Cái	Bình định mức 500ml vạch xanh, nút nhựa. Chất liệu: Thủy tinh, nút nhựa PE mới, vạch xanh class A - Khả năng chịu nhiệt của thủy tinh: 250°C Khả năng chịu nhiệt của nắp nhựa: -40°C đến +80°C	5

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
50	Bình định mức 50mL	Cái	Cái	Bình định mức 50ml vạch xanh, nút nhựa Chất liệu: Thủy tinh, nút nhựa PE mới, vạch xanh class A - Khả năng chịu nhiệt của thủy tinh: 250°C Khả năng chịu nhiệt của nắp nhựa: -40°C đến +80°C	5
51	Bình lắng gạn 750mL	Cái	Cái	Bình định mức 750ml vạch xanh, nút nhựa Chất liệu: Thủy tinh, nút nhựa PE mới, vạch xanh class A - Khả năng chịu nhiệt của thủy tinh: 250°C Khả năng chịu nhiệt của nắp nhựa: -40°C đến +80°C	5
52	Cốc có mỏ thủy tinh 2 lít	Cái	Cái	Cốc có mỏ thủy tinh 2000 ml - Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao. - Cup có mỏ thuận tiện cho việc rót ra - Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ ca	10
53	Cốc có mỏ thủy tinh 1l	Cái	Cái	Cốc có mỏ thủy tinh 1000 ml - Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao. - Cup có mỏ thuận tiện cho việc rót ra - Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ ca	5
54	Cốc có mỏ thủy tinh 500 ml	Cái	Cái	Cốc có mỏ thủy tinh 500 ml - Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao. - Cup có mỏ thuận tiện cho việc rót ra - Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ ca	10
55	Cốc có mỏ thủy tinh 250 ml	Cái	Cái	Cốc có mỏ thủy tinh 250 ml - Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao. - Cup có mỏ thuận tiện cho việc rót ra - Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ ca	5
56	Cốc có mỏ thủy tinh 150 ml	Cái	Cái	Cốc có mỏ thủy tinh 150 ml - Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao. - Cup có mỏ thuận tiện cho việc rót ra - Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ ca	5
57	Cốc có mỏ thủy tinh 100 ml	Cái	Cái	Cốc có mỏ thủy tinh 100 ml - Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao.	5

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				- Cốc có mở thuận tiện cho việc rót ra - Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ ca	
58	Cột sắc ký khí DB-5MS UI	Cái	Cái	Cột sắc ký khí 0.15 – 0.32 mm Length (m) 5 – 60 m Film (µm) 0.15 – 1.00 µm Temperature Limits (°C) -60 – 325/350 °C	1
59	Cột sắc ký lỏng RRHD Eclipse XDB-C18, 2.1x100mm, 1.8µm	Cái	Cái	Cột sắc ký lỏng RRHD Eclipse XDB-C18, 2.1x100mm, 1.8µm	1
60	Cột sắc ký lỏng RRHD Hilic 100x2.1 mm, 1.8 µm, 1200 bar	Cái	Cái	Cột sắc ký lỏng RRHD Hilic 100x2.1 mm, 1.8 µm, 1200 bar	2
61	Cột sắc ký lỏng Poroshell 120, SB-C18, 2.1x100mm, 2.7µm	Cái	Cái	Cột sắc ký lỏng Poroshell 120, SB-C18, 2.1x100mm, 2.7µm	3
62	Cột sắc ký lỏng Poroshell 120, Phe-Hex, 3.0x100mm, 2.7µm	Cái	Cái	Cột sắc ký lỏng Poroshell 120, Phe-Hex, 3.0x100mm, 2.7µm	1
63	Cột sắc ký lỏng Polaris C18 100x2,0 mm; 3 µm	Cái	Cái	Cột sắc ký lỏng Polaris C18 100x2,0 mm; 3 µm	1
64	Cột sắc ký ái lực	Cái	Cái	Cột ái dịch miễn lực phân tích Aflatoxin AflaTest Columns, for Fluorometer & HPLC Vicam. Được chuyên dụng cho phân tích Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2, M1 và M2) - Thể tích 1 mL. - Giới hạn phát hiện từ 0,1 ppb đến 1000 ppb	100
65	Cột chiết tách sắc ký SCX	Hộp	Hộp/50 Cái	Xử lý mẫu các hợp chất mẫu water-soluble, chất lỏng sinh học và chất nền phản ứng hữu cơ - Size 500mg/3mL	2
66	Cột SPE C18	Hộp	Hộp/50 cái	Cột Chiết Pha Rắn SPE C18/ Chất nhồi C18 đã được endcapped Xử lý mẫu các hợp chất không phân cực/ 500mg/3mL	1
67	Tiền cột bảo vệ cho cột XDB-C18	Cái	Cái	Tiền cột bảo vệ cho cột XDB-C19	1
68	Tiền cột bảo vệ cho cột UHPLC XDB C18 2.1mm	Cái	Cái	Tiền cột bảo vệ cho cột UHPLC XDB C18 2.1mm	5
69	Tiền cột bảo vệ cho cột UHPLC C18 2.1mm	Cái	Cái	Tiền cột bảo vệ cho cột UHPLC C18 2.1mm	1
70	Tiền cột bảo vệ cho cột ,Poroshell HILIC, 2.1mm	Cái	Cái	Tiền cột bảo vệ cho cột ,Poroshell HILIC, 2.1mm	1
71	Tiền cột bảo vệ cho cột HILIC Plus 2.1mm	Cái	Cái	Tiền cột bảo vệ cho cột HILIC Plus 2.1mm	1
72	Bộ chiết xuất pha rắn 20 chỗ	Bộ	Bộ	-Bộ chiết pha rắn 20 vị trí và 20 van khóa -Áp suất : 80Kpa -Đồng hồ đo chân không với các valve chỉnh thô và chỉnh tinh để theo dõi và điều chỉnh mực chân không; có cả valve xả an toàn	2

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				-Buồng bằng thủy tinh trong suốt cho phép theo dõi trực quan dễ dàng -Độ dày thành đồng đều, có thể chịu được áp suất âm cao ở trên -80kpa - Xử lý nhiều mẫu cùng lúc tiết kiệm thời gian -Khay chiết và giá thu gom ống nghiệm được làm bằng vật liệu polymer đặc biệt, chống ăn mòn và có thể được sử dụng ở áp suất cao trong thời gian dài -Tương thích với nhiều loại cột lọc -Giá đỡ có thể điều chỉnh chứa nhiều loại ống nghiệm, lọ và bình -Bơm chân không tương thích với bộ chiết pha rắn SPE -Chân không tối đa: -630mmHg - Tốc độ dòng tối đa: 20 lit/phút -Có điều chỉnh chân không -Độ ồn: 50dB -Nguồn điện: 230V, 50Hz -Công suất tối đa: 60W	
73	Bộ kit tách chiết Quescher, dùng phương pháp truyền thống	Hộp	Hộp/50 cái	Bao gồm: Các ống chiết, các ống làm sạch, hóa chất tách chiết và làm sạch có sẵn riêng biệt. Các ống chiết có sẵn hỗn hợp hóa chất ở kích thước 2mL - 15mL và ống làm sạch chứa sẵn hỗn hợp hóa chất ở kích thước 1-3 mL	1
74	Bộ kit tách chiết Quescher, dùng phương pháp AOAC 2007.01	Hộp	Hộp/50 cái	Bao gồm: Các ống chiết, các ống làm sạch, hóa chất tách chiết và làm sạch có sẵn riêng biệt. Các ống chiết có sẵn hỗn hợp hóa chất ở kích thước 2mL - 15mL và ống làm sạch chứa sẵn hỗn hợp hóa chất ở kích thước 1-3 mL	1
75	Ammonium acetate Chuẩn Salbutamol	Chai	Chai/1000g	Hóa chất có dạng rắn, màu trắng Ammonium acetate, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$ Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
76	Chuẩn Salbutamol	Lọ	Lọ/100mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
77	Chuẩn Chì (Pb)	Cái	Cái	Chai 1000mg/L độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
78	Dung dịch Acetonitril (HPLC)	Chai	Chai/4 l	Acetonitrile (ACN) HPLC Grade 4L/ Purity Grade Notes: Mobile phase for HPLC applications Công thức CTPT: C ₂ H ₃ N Tan trong nước Water: 0.01% max. Độ nhớt: 0.36 cP at 20°C Không màu	2
79	Dung dịch Acid HNO ₃ đậm đặc	Chai	Chai/1000ml	Nitric acid 65% EMPLURA®, dạng lỏng, không màu/HNO ₃ : 64,3 - 66,4% - Chloride (Cl) $\leq 0.0003\%$ - Nitrogen oxides (as N ₂ O ₃) $\leq 0.003\%$ - Sulfate (SO ₄) $\leq 0.001\%$	1

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				- Heavy metals (as Pb) ≤ 0.0005 % - As (Arsenic) ≤ 0.0001 % - Ca (Calcium) ≤ 0.001 % - Fe (Iron) ≤ 0.0004 % - NH_4 (Ammonium) ≤ 0.001 % - Dư lượng bay hơi $\leq 0,01$	
80	Dung dịch Acid sulfuric H_2SO_4	Chai	Chai/1000ml	Sulfuric acid 95-97% Công thức hóa học: H_2SO_4 Khối lượng phân tử: 98,07 g/mol Số CAS: 7664-93-9	3
81	Dung dịch Acid Tricloroacetic	Chai	Chai/250g	Trichloroacetic acid là chất rắn, không màu, mùi gây nhức. Tên gọi khác: TCA. Công thức hóa học: CCl_3COOH . $\text{CCl}_3\text{COOH} \geq 99.5$ % Chloride (Cl) ≤ 10 ppm Nitrate (NO_3) ≤ 20 ppm Phosphate (PO_4) ≤ 5 ppm Sulphate (SO_4) ≤ 200 ppm Kim loại nặng(như Pb) ≤ 20 ppm Cu (Copper) ≤ 5 ppm Fe (Iron) ≤ 10 ppm	1
82	Dung dịch ethanol 99%, HPLC	Chai	Chai 2.5L	Dung dịch Ethanol absolute HPLC 99,8% Tên khác Ethyl Alcohol $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$	1
83	Dung dịch Methanol (HPLC)	Chai	Chai 2.5L	CTHH: CH_3OH . Tên gọi khác: MeOH, Hydroxymethane, Methyl alcohol, Carbinol. Trạng thái: chất lỏng, không màu/ CH_3OH : $\geq 99.9\%$ - Nước: $\leq 0.02\%$ Tính chất: - Trạng thái: Chất lỏng, không màu - Khối lượng riêng: 0.792 g/cm³ (20°C) - Nhiệt độ sôi: 64.5°C (1013 hPa) - Nhiệt độ nóng chảy: -98°C - Tính tan trong nước: ở 20°C hòa tan được - Khối lượng riêng: 0,792 g/cm³ ở 20°C	3
84	Dung dịch NH_4OH	Chai	Chai/1000ml	Ammonia solution 25% for analysis EMSURE® - NH_3 : 25.0 - 30.0 % - Carbonate (as CO_2): ≤ 10 ppm - Chloride (Cl) ≤ 0.5 ppm - Phosphate (PO_4) ≤ 0.5 ppm - Silicon (as SiO_2) ≤ 10 ppm - Sulfate (SO_4) ≤ 2 ppm - Một số kim loại khác (Na, Mg, Mn, Li, Pb, Fe, Cu...) ≤ 0.100 ppm - Chất không bay hơi: 10 ppm Độ tinh sạch 95%	1
85	Khí Acetylen	Bình	Bình	Khí acetylen tinh khiết: thường là vỏ chai 40 lít chứa 6 kg khí acetylen Độ tinh khiết: 99.8%	3
86	KI - Potassium iodide	Chai	Chai/250g	Độ tinh khiết $\geq 99.5\%$, Potassium iodide for analysis EMSURE® ISO, Reag. Ph Eur	1
87	Sodium chloride - NaCl	Chai	Chai/1000g	Sodium chloride for analysis EMSURE® ACS, ISO, Reag. Ph Eur. Hàm lượng: $\geq$	5

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				99.5 %. Hóa chất được sử dụng trong phân tích hóa học tại phòng thí nghiệm. Sử dụng, trực tiếp hoặc gián tiếp trong sản xuất nhiều hóa chất.	
88	Sodium carbonate - Na ₂ CO ₃	Chai	Chai/1000g	Hóa chất Sodium Carbonate anhydrous Hàm lượng: ≥ 99.5 % Mã sản phẩm: 106392	1
89	Dung dịch Acetonitril (HPLC)	Chai	Chai/4 l	Acetonitrile (ACN) HPLC Grade 4L/ Purity Grade Notes: Mobile phase for HPLC applications Công thức CTPT: C ₂ H ₃ N Tan trong nước Water: 0.01% max. Độ nhớt: 0.36 cP at 20°C Không màu	1
90	Dung dịch Acid acetic (HPLC)	Chai	Chai/1000ml	CH ₃ COOH Khối lượng mol 60,05 g/mol Điểm sôi 116 - 118 °C (1013 hPa) Khối lượng riêng 1.05 g/cm ³ (20 °C)/ CH ₃ COOH ≥ 99.8 %	1
91	Dung dịch Acid HCL đậm đặc	Chai	Chai/500 gr	Hydrochloric acid fuming 37% thể lỏng, trong suốt không màu, mùi gây như HCl : 37.0 – 38.0 % Cl tự do ≤ 0.4 ppm Bromide (Br) ≤ 50 ppm Phosphate (PO ₄) ≤ 0.5 ppm Sulphate (SO ₄) ≤ 0.5 ppm Sulfite (SO ₃) ≤ 0.5 ppm Kim loại nặng(như Pb) ≤ 1 ppm Ag (Silver) ≤ 0.020 ppm Al (Aluminium) ≤ 0.050 ppm	1
92	Dung dịch Acid HNO ₃ đậm đặc	Chai	Chai/1000ml	Nitric acid 65% EMPLURA®, dạng lỏng, không màu/ HNO ₃ : 64,3 - 66,4% - Chloride (Cl) ≤ 0.0003 % - Nitrogen oxides (as N ₂ O ₃) ≤ 0.003 % - Sulfate (SO ₄) ≤ 0.001 % - Heavy metals (as Pb) ≤ 0.0005 % - As (Arsenic) ≤ 0.0001 % - Ca (Calcium) ≤ 0.001 % - Fe (Iron) ≤ 0.0004 % - NH ₄ (Ammonium) ≤ 0.001 % - Dư lượng bay hơi ≤ 0,01	1
93	Chuẩn Cimetidine	Lọ	Lọ/ 100 mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết ≥ 99.99%	1
94	Chuẩn Ranitidin	Lọ	Lọ/ 100 mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết ≥ 99.99%	1
95	Chuẩn Omeprazol	Lọ	Lọ/250 mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết ≥ 99.99%	1
96	Chuẩn Ginsenosid Rg1	Lọ	Lọ/50 mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết ≥ 99.99%	1
97	Chuẩn Ginsenosid Rb1	Lọ	Lọ/50 mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết ≥ 99.99%	1

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
98	Chuẩn Flunarizin	Lọ	Lọ/200mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
99	Chuẩn Vinpocetin	Lọ	Lọ/200mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
100	Chuẩn Diazepam	Lọ	Lọ/1ml	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
101	Chuẩn Amlordipin	Lọ	Lọ	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
102	Chuẩn Phenobarbital	Lọ	Lọ/100mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
103	Chuẩn Enalapril	Lọ	Lọ/50mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
104	Chuẩn Captopril	Lọ	Lọ/500mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
105	Chuẩn Asen (As)	Lọ	Lọ/100ml	Chai 1000mg/L độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
106	Chuẩn Tetracyclin	Lọ	Lọ/500mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
107	Chuẩn Ciproloxacin	Lọ	Lọ/1G	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	2
108	Chuẩn Hóa chất BVTV gốc clor hữu cơ	Lọ	Lọ/1ml	Dung dịch chuẩn thuốc trừ sâu Clo hữu cơ mix 17 thành phần: Organochlorine Pesticides Mixture - 17 components; Aldrin [CAS:309-00-2] 250ug/ml ; Alpha-HCH [CAS:319-84-6] 250ug/ml ; Beta-HCH [CAS:319-85-7] 250ug/ml ; 4,4'-DDD (TDE) [CAS:72-54-8] 250ug/ml ; 4,4'-DDE [CAS:72-55-9] 250ug/ml ; 4,4'-DDT [CAS:50-29-3] 250ug/ml ; Delta-HCH [CAS:319-86-8] 250ug/ml ; Dieldrin [CAS:60-57-1] 250ug/ml ; Endosulfan-alpha [CAS:959-98-8] 250ug/ml ; Endosulfan-beta [CAS:33213-65-9] 250ug/ml ; Endosulfan-total (sulfate) [CAS:1031-07-8] 250ug/ml ; Endrin [CAS:72-20-8] 250ug/ml ; Endrin aldehyde [CAS:7421-93-4] 250ug/ml ; Gamma-HCH (Lindane) [CAS:58-89-9] 250ug/ml ; Heptachlor [CAS:76-44-8] 250ug/ml ; Heptachlor-exo-epoxide [CAS:1024-57-3] 250ug/ml ; Methoxychlor (DMTD) [CAS:72-43-5] 1000ug/ml in Methanol	2
109	Đèn cathode rỗng cho nguyên tố Al	Cái	Cái	Đèn Hollow Cathode đa nguyên tố Al	1
110	Đèn cathode rỗng cho nguyên tố Mg	Cái	Cái	Đèn Hollow Cathode đa nguyên tố Mg	1
111	Đèn cathode rỗng cho nguyên tố Mn	Cái	Cái	Đèn Hollow Cathode nguyên tố Mn	1
112	Đèn phóng điện không điện cực nguyên tố Zn	Cái	Cái	Đèn Hollow Cathode nguyên tố Zn	1
113	Bao nylon cân mẫu vô trùng có lưới lọc	Thùng/500 cái	Thùng	• Túi có bộ lọc bên • Dùng Cho pipetting • Lý tưởng đồng nhất các mẫu xơ	1

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				• Multilayer®: phức hợp nhiều lớp được gia cố • Bộ lọc bên bằng vải không dệt • Độ xốp lọc: <250 micron • Cứng và trong suốt • Chịu được nhiệt độ lạnh đông và nhiệt độ cao (từ -40°C đến 80°C/-40°F đến 176°F) • Không có tiếp xúc giữa mẫu và máy dập mẫu trong quá trình đồng nhất mẫu • Tương thích với bất kỳ máy dập mẫu • Được phê duyệt cho tiếp xúc với thực phẩm: Quy định (EC) Số 1935/2004 • Xử lý bằng tia gamma: Gamma 5 đến 12 kGy, có chứng chỉ • Thời hạn sử dụng trung bình: 25 năm • Có sẵn trong thể tích 400/2000/3500 mL • Phù hợp với ISO 7218, ISO 6887-1 và FDA BAM (Hướng dẫn phân tích vi khuẩn)	
114	Đĩa petri nhựa đường kính 90 mm	Thùng/500 cái	Thùng	• Chất liệu: Polystyrene hoặc polypropylen • Đã được tiệt trùng sẵn • Kích thước (Đường kính ngoài x chiều cao): 90 x 15 mm • Dễ dàng xếp chồng • Có vent (thông khí) giúp sự trao đổi khí diễn ra tốt hơn	12
115	Găng tay phẫu thuật vô trùng	Hộp/50 đôi	Hộp	• Găng kiểm tra có bột, dùng trong y tế, thẩm thấu được, tiệt trùng bằng khí EO, nguyên liệu: Cao su thiên nhiên, Latex có tay trái và tay phải riêng biệt. • Đặc tính kỹ thuật: + Lực kéo đứt: trước già hóa/ sau già hóa: $\geq 12,5N/ 9,5N$ + Kích thước chiều rộng bàn tay: size 6,5: $83\pm 05mm$; size 7: $89\pm 05mm$; size 7,5: $9,5\pm 05mm$; size 8: $>102\pm 05mm$ + Độ dày: $0,15\pm 0,2mm$	25
116	Khăn giấy vuông	Xấp/100 tờ	Xấp	Khăn giấy thấm hút tốt, mềm, dai, không mùi, không nát vụn khi lau chùi	120
117	Giá đỡ ống nghiệm bằng inox lỗ lớn	Cái	Cái	Chất liệu inox 304	20
118	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp/50 cái	Hộp	Cấu tạo gồm 4 lớp: • Lớp 1: Một lớp vải không dệt mềm thoáng khí. • Lớp 2: Lớp lọc ở giữa: Một màng, có khả năng lọc và ngăn chặn ít nhất 90% bụi và vi khuẩn không khí. Lớp vải lọc khí không thấm nước, thoáng khí, không dị ứng da. • Lớp 3: Lớp lọc kháng khuẩn, có tác dụng ngăn khói bụi, khí độc, vi khuẩn xâm nhập, phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm lây qua đường hô hấp. Sử dụng hiệu quả khi lưu thông trên đường hay làm việc trong	30

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				các bệnh viện, tiếp xúc với môi trường công nghiệp hiện đại. • Lớp 4: Vải không dệt được làm bằng Polypropylene sợi tổng hợp ép lại với nhau để tạo thành một lớp vải. Độ bền cao, độ đàn hồi tốt.	
119	Lamen (dùng cho kính hiển vi)	Hộp/100 cái	hộp	• Lam kính kích thước: 22 x 22 mm • Độ dày: 0.13 – 0.17 mm • Vật liệu: thủy tinh borosilicate, class 1 • Khả năng kháng hóa chất cao • Cực kỳ phẳng • Chỉ số khúc xạ đáp ứng cho kính hiển vi • Chứng chỉ ISO 9001 và ISO 13485 • Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE-IVD.	5
120	Que cấy vi khuẩn	Gói/25 cái	Gói/25 cái	Que cấy làm bằng chất liệu nichrome, Thể tích chọn lựa 1,5,10ul	2
121	Chủng chuẩn (F2)	Bộ/2-5 viên (hoặc 2-5 que)	Bộ	• Chủng chuẩn • 1 bộ gồm 2-5 gói chủng vi sinh vật đời thứ 2 (F2) • Mỗi gói chứa 1 viên chủng vi sinh vật đông khô + khoang dung dịch Hydrate hoá + 1 que cấy phân lập • Bảo quản ở nhiệt độ 2°C tới 8°C • Hạn sử dụng ít nhất 8 tháng	8
122	Cồn 70o	Lit	Lit	Cồn sử dụng trong y tế	45
123	Javel	Lit	Lit	Javel 8-12%	45
124	Môi trường Bacillus Cereus Selective Agar Base (MYP)	Chai/500 gr	Chai	Thành phần (g/l) • Enzymatic digest of casein: 10 • Bacteriological agar: 15 • D-mannitol: 10 • Beef extract 1: • Phenol red: 0,025 • Sodium chloride: 10	2
125	Môi trường Thạch máu CCO (Môi trường Columbia)	Chai/500 gr	Chai	Thành phần (g/l) • Pancreatic Digest of Casein: 10 • Meat Peptic Digest 5 • Heart Pancreatic Digest: 3 • Yeast Extract 5 • Maize Starch 1 • Sodium Chloride 5 • Máu cừu: 5% • Agar 12.0	1
126	Giấy bạc cuộn	cuộn	cuộn	• Chất liệu nhôm lá mỏng với đặc tính giữ nhiệt, chịu được nhiệt độ cao • Chất liệu: giấy bạc • Màu sắc: Bạc • Kích thước hộp: 30cm x 1,3m • Trọng lượng: 200 gr	5
127	Màng lọc 0,45µm, fi 47mm	Hộp/100 tờ	Hộp	• Chất liệu: mix cellulose ester hoặc tương đương • Đường kính: 47mm • Kích thước lỗ lọc: 0.45µm • Tiệt trùng từng tấm	5

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
128	Phễu lọc nhựa vô trùng 250ml	Hộp/150 cái	Hộp	• Phễu và bộ lọc 250ml • Lỗ lọc 0.45 um, đường kính 47mm, lỗ màu trắng • Vô trùng • Đảm bảo không rò rỉ, dễ dàng dùng kẹp để đổi màng lọc	2
129	Chai nhựa lấy mẫu 1 lít	Cái	Cái	• Chai chịu nhiệt, hấp khử trùng • Miệng chai rộng 30 mm	40
130	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 15 mm, dài 10 cm	Cái	Cái	Ống nghiệm làm từ thủy tinh borosilicate hoặc tương đương, type I class A, dày, chịu nhiệt	100
131	Môi trường Legionella CYE agar base	Hộp/500g	Hộp	Thành phần (g/l) • Ammonium-free glycine 3 • Polymyxin B sulfate 80 000 IU/l • Vancomycin hydrochloride 0,001 • Cycloheximide 0,08	2
132	Môi trường Legionella GVPC supplement	Hộp/10 lọ	Hộp	Thành phần (g/l) • Ammonium-free glycine 3 • Polymyxin B sulfate 80 000 IU/l • Vancomycin hydrochloride 0,001 • Cycloheximide 0,08 • Thành phần bổ sung vào môi trường Legionella CYE agar base	2
133	Môi trường Legionella BCYE supplement	Hộp/10 lọ	Hộp	Thành phần (g/l) • α-ketoglutarate, monopotassium salt: 1,0 • ACES buffer (N-2-acetamido-2-aminoethanesulfonic acid) 10,0 g • Potassium hydroxide (KOH) (pellets): 2,8 • L-cysteine hydrochloride monohydrate: 0,4 • Iron(III) pyrophosphate [Fe₄(P₂O₇)₃]: 0,25 • Thành phần bổ sung vào môi trường Legionella CYE agar base	2
134	Legionella Latex Kit	Hộp/50 test	Hộp	Thành phần: • 1 lọ Legionella type 1 (2,5ml) • 1 lọ Legionella type 2-15 (2,5ml) • 1 lọ Legionella spp. (2,5ml) • 1 lọ Chứng dương (1ml) • Miếng nhựa ngưng kết (30 miếng) • Que nhựa (50 que)	4
135	Môi trường Tryptic soy agar (TSA)	Chai/500 gr	Chai	Thành phần (g/l) • L-cysteine hydrochloride monohydrate: 0,4 • Iron(III) pyrophosphate [Fe₄(P₂O₇)₃]: 0,25 • Thành phần bổ sung vào môi trường Legionella CYE agar	2
136	Tris(2-carboxyethyl) phosphine HCL (TCEP)	Chai/2 gr	Chai	Tris(2-carboxyethyl) phosphine hydrochloride, 98%	2
137	EDTA	Chai 1kg	Chai	Độ tinh khiết 99 - 101%	1

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
138	Mỗi các loại	Nu	Nu	• Primer • Custom DNA oligo • Lượng tổng hợp: 100 nmol • Purification : desalted • Đông khô	1,500
139	Kit GoTaq Green Master Mix	Hộp/1000 phản ứng	Hộp	• Nuclease free, dùng cho sinh học phân tử • Melting Point 87–89°C • Sử dụng cho đồ gel điện di mẫu • Thành phần: -Master Mix, 2X: 1 × 25ml - Nuclease-Free Water: 1 × 25ml	2
140	Agarose	Lọ/100 gr	Lọ	• Nuclease free, dùng cho sinh học phân tử • Melting Point 87–89°C • Sử dụng cho đồ gel điện di mẫu • Dạng bột • Bảo quản: +15°C to +30°C	2
141	Thang DNA 100 bp DNA (50 ug)	Hộp/50 ug	Hộp	• 13 vạch thang riêng biệt, có các dải tham chiếu tại 2000, 1500 và 600 bp để dễ dàng định hướng • Kích thước đoạn phân tách: 0.1 - 2 kb • Nồng độ: 0.5 µg/µl • Số lượng phản ứng: 100 phản ứng	2
142	Enzyme khuếch đại Platinum Taq DNA Polymerase	120 test/hộp	Hộp	• Là dạng phức hợp giữa Taq DNA Polymerase và một dạng kháng thể đặc thù, ức chế hoạt động của Taq DNA Polymerase tại nhiệt độ phòng. Hoạt động của Taq DNA Polymerase được phục hồi trong bước biến tính DNA (PCR). • Kích thước sản phẩm PCR: tối đa 5 kb • Hoạt tính Exonuclease 5' - 3' • Có thể kéo dài sản phẩm PCR nhờ bổ sung 1,5-4,5 µL KB Extender/50-µL dung dịch phản ứng	2
143	Chất nhuộm DNA	Lọ/400 ul	Lọ	• Được đóng gói với nồng độ 10000X trong DMSO • Được cung cấp để thay thế ethidium bromide và các tia tử ngoại gây hại • Thuốc nhuộm huỳnh quang cho phát hiện DNA trong điện di Gel agarose hoặc acrylamide. Bước sóng kích thích và phát xạ cực đại tương ứng là: 280/502 và 530 nm	1
144	Kit tách chiết DNA	Hộp/50 phản ứng	Hộp	• Định dạng: cột quay • Loại mẫu chính: máu toàn phần, mô, tế bào • Tách chiết thủ công (sử dụng máy ly tâm hoặc bơm chân không) • Tinh sạch RNA toàn phần, miRNA, poly A + mRNA, DNA hoặc protein Genome, DNA ti thể, DNA vi khuẩn, DNA ký sinh trùng, DNA của virus • Lượng mẫu 200 µl / 25 mg / 5 x 10e6 • Công nghệ Silica	5



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				• Thời gian cho mỗi lần chạy mẫu: tối đa 20 phút • Năng suất: 4–30 µg • Thành phần bao gồm: * Spin Columns: 50 cái * Collection Tubes (2 ml): 150 cái * Buffer AL: 12 ml * Buffer ATL: 14 ml * Buffer AW1* (concentrate) 19 ml * Buffer AW2† (concentrate) 13 ml * Buffer AE: 2 x 15 ml * Proteinase K: 1.25 ml	
145	Cystein hydrochloride	Lọ/100 gr	Lọ	Công thức hóa học $C_3H_8CINO_2S * H_2O$ hay $C_3H_8CINO_2S * H_2O$. Thành phần gồm- Sulfate(SO_4): ≤ 300 ppm -Kim loại nặng(dưới dạng Pb): ≤ 10 ppm -Fe(Sắt): ≤ 20 ppm -Tro sunfat ($600^\circ C$): $\leq 0,1\%$. Tính chất: - Khối lượng mol: 175,64 g/mol - Dạng: rắn, màu trắng - Mật độ: 1,54 g/cm³ - Điểm nóng chảy 168 - 170 °C - Giá trị pH: 0,8 - 1,2 (100 g/l, H₂O, 20°C) - Áp suất hơi: <0,1 hPa (20 °C) - Mật độ khối: 780 kg/m³ - Độ hòa tan: 650 g/l Hóa chất được sử dụng trong nghiên cứu, phân tích hóa sinh. Sử dụng trong phòng thí nghiệm trường học, viện nghiên cứu, vv.	1
146	Môi trường MRS Broth	Chai/500 gr	Chai	Thành phần (g/l) • Bacteriological peptone: 10 • Dextrose: 20 • Dipotassium phosphate: 2 • Magnesium sulfate: 0,2 • Manganese sulfate: 0,05 • Beef extract: 8 • Sodium acetate: 5 • Tween80: 1 • Yeast extract: 4 • Ammonium citrate: 2 • pH(25°C): 6,2±0,2	2
147	Chuẩn Glucosamin	Lọ	Lọ/1 gr	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99,99\%$	1
148	Chuẩn Cd (loại dùng AAS)	Lọ	Lọ/500 ml	Chai 1000mg/L độ tinh khiết $\geq 99,99\%$	1
149	Chuẩn Coenzym Q10	Lọ	Lọ/100 mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99,99\%$	1
150	Chuẩn Lysin	Lọ	Lọ/100 mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99,99\%$	1
151	Chuẩn Gliclazid	Lọ	Lọ/1 G	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99,99\%$	1

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
152	Chuẩn Metformin	Lọ	Lọ/500 mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
153	Chuẩn Pb (loại dùng cho AAS)	Lọ	Lọ/500 ml	Chai 1000mg/L độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
154	Chuẩn Sylimarín	Lọ	Lọ/1 G	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1

- Hồ sơ báo giá gồm:
- + Báo giá theo mẫu phụ lục kèm theo
- + Tài liệu liên quan: bao gồm hồ sơ kỹ thuật, các hồ sơ pháp lý của sản phẩm
- Thời gian nhận báo giá: trước ngày 15/11/2022
- Hình thức gửi:
- + Bản chính Hồ sơ báo giá được gửi về Bộ phận văn thư – Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur Phường Võ Thị Sáu Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.
- File mềm được gửi đến địa chỉ email: ptquynhpas@gmail.com
- Mọi chi tiết xin liên hệ: chị Phan Thu Quỳnh – phòng Kế hoạch tổng hợp, số điện thoại 0989.597.584

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- Trưởng phòng KHTH (để báo cáo);
- Phòng HCQT (CNTT) để thực hiện;
- Lưu: VT, KHTH.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KHTH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KHTH**

**VIỆN
PASTEUR
TP. HỒ CHÍ MINH**

★Phạm Duy Quang

Phụ lục

MẪU BẢNG BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 4489/PAS.KHTH ngày 14/11/2022 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên công ty:

Địa chỉ:

Tên người liên hệ: - Số điện thoại liên hệ: - Email:

BẢNG BÁO GIÁ

____, Ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi là ____ [Ghi tên công ty] xin gửi tới Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh bảng chào giá ____ [Ghi tính chất danh mục báo giá] như sau:

TT	Tên hàng hóa Viện yêu cầu	Tên thương mại hàng hóa nhà thầu chào	Mã hàng	ĐVT	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Hạn dùng (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VNĐ, có VAT)	Thành tiền
Tổng cộng (VNĐ, có VAT)											

Ghi chú:

- Hàng mới 100%; [đối với tài sản hàng hóa]
- Thời gian thực hiện: [Ghi rõ thời gian cung ứng, thực hiện]
- Phương thức thanh toán: [Ghi rõ phương thức thanh toán]
- Hiệu lực báo giá: [ghi rõ báo giá có hiệu lực đến thời điểm nào]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ

[ghi tên, ký tên và đóng dấu]